

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~299~~ /STN&MT-KSN&KTTV

Hà Nam, ngày 12 tháng 5 năm 2015

V/v xin ý kiến thẩm định Dự thảo "Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam"

Kính gửi: Sở Tư pháp

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 06/01/2015 của UBND tỉnh Hà Nam về việc Ban hành chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2015, trong đó giao sở TN&MT Xây dựng "Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam".

Sau khi có ý kiến tham gia của các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố, sở Tài nguyên và Môi trường đã bổ sung và hoàn thiện bản dự thảo "Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam".

Thực hiện quyết định số 49/2013/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Để có cơ sở trình UBND tỉnh, sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị sở Tư pháp thẩm định Dự thảo "Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam" (Xin gửi Dự thảo kèm theo)

Kết quả thẩm định Dự thảo gửi về sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 19/5/2014.

Sở Tài nguyên và Môi trường xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KS-N&KTTV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : /2015/QĐ-UBND Hà Nam, ngày tháng năm 2015

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước
trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 120/2008/NĐ-CP ngày 01/12/2008 của Chính phủ quy định về quản lý lưu vực sông;

Căn cứ Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư 27/2014/TT-BTN&MT ngày 30/5/2014 của Bộ tài nguyên và Môi trường về đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định Bảo vệ tài nguyên nước dưới đất;

Theo đề nghị của Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 29/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- Cục kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Đông

Dự thảo

QUY ĐỊNH

Quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2015/QĐ-UBND ngày..... /..... /2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định các hoạt động về quản lý, bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (gọi chung là hoạt động quản lý tài nguyên nước) trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Những nội dung không nêu tại Quy định này được thực hiện theo Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quy định hiện hành của Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường về lĩnh vực tài nguyên nước.

3. Quy định về nước khoáng, nước nóng thiên nhiên thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước), Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) có hoạt động liên quan đến quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phổ biến, giáo dục về tài nguyên nước

1. Các cơ quan nhà nước: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành khác của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng (Báo Hà Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh), các cơ sở giáo dục đào tạo tổ chức phổ biến, giáo dục về tài nguyên nước, hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Nam và các tổ chức thành viên

trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; giám sát việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Điều 4. Trách nhiệm điều tra, đánh giá, kiểm kê tài nguyên nước; điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

1. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước:

a) Căn cứ quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

Trong trường hợp chưa có quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ tình hình thực tế về thông tin, dữ liệu tài nguyên nước để xây dựng các nội dung trong kế hoạch điều tra cơ bản phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn; tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước trên các lưu vực sông nội tỉnh, báo UBND tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

c) Nội dung hoạt động điều tra, đánh giá tài nguyên nước theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

2. Kiểm kê tài nguyên nước:

a) Việc kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện định kỳ năm (05) năm một lần, phù hợp với kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kết quả kiểm kê của các lưu vực sông nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

c) Nội dung, biểu mẫu kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước:

a) Các Sở: Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Xây dựng; Giao thông Vận tải; Văn hóa Thể thao và Du lịch và các Sở, ban ngành có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện điều tra, lập báo cáo tình hình sử dụng nước của ngành, lĩnh vực gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng

tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam; tổng hợp kết quả điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên các lưu vực sông nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

c) Nội dung, biểu mẫu điều tra, nội dung báo cáo và trình tự thực hiện điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 5. Trách nhiệm lập, điều chỉnh, phê duyệt, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường và công bố và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

Việc lập, điều chỉnh, lấy ý kiến tham gia và phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh được thực hiện theo quy định tại các Điều 15, 16, 17, 19, 20, 21, 22 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công bố quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh.

3. Căn cứ quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh đã được phê duyệt, các ngành chức năng, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Lập, điều chỉnh hoặc trình phê duyệt quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước của đơn vị mình cho phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh đã được phê duyệt;

b) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh đối với phần nội dung thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 6. Trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu; quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tổ chức thu thập, tổng hợp tài liệu liên quan đến tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; điều tra bổ sung thông tin, dữ liệu tài nguyên nước, cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh;

b) Quản lý, lưu trữ thông tin, cập nhật dữ liệu về tài nguyên nước (bao gồm cả cập nhật dữ liệu và phát triển, cập nhật hệ thống phần mềm), khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; tiếp nhận, xử lý dữ liệu về tài nguyên nước từ các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, tích hợp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; cung cấp dữ liệu về tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý và khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.

2. Các sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình

có trách nhiệm thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý dữ liệu tài nguyên nước và cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về sử dụng nước trong nông nghiệp, công trình thủy lợi, dự án có liên quan đến khai thác sử dụng tài nguyên nước, dữ liệu nước sạch nông thôn;

b) Sở Xây dựng cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về quy hoạch, hiện trạng nguồn cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải trong khu vực đô thị, số liệu về các đơn vị thu nhận, xử lý nước thải của đô thị, cụm công nghiệp;

c) Sở Y tế cung cấp số liệu kết quả kiểm tra định kỳ chất lượng nguồn nước khai thác cho mục đích sinh hoạt, đặc biệt đối với các đơn vị kinh doanh nước sạch; chất lượng nước thải tại các bệnh viện, cơ sở y tế;

d) Sở Công Thương cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về sử dụng nước trong các khu, cụm công nghiệp, làng nghề;

đ) Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp số liệu, dữ liệu, kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước;

e) Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về quy hoạch nguồn cấp nước sinh hoạt, sản xuất, xử lý nước thải của khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý, dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định; cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

4. Kinh phí vận hành hệ thống, thu thập, xử lý dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước bảo đảm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt, bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; quan trắc, giám sát tài nguyên nước.

1. Khi có sự cố ô nhiễm nguồn nước xảy ra trên địa bàn, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động:

a) Xác định rõ nguyên nhân, tổ chức, cá nhân gây ra sự cố; phối hợp giảm thiểu tác hại do sự cố gây ra; giám sát, đánh giá mức độ suy giảm chất lượng nước, thiệt hại do sự cố gây ra để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu đối tượng gây ra sự cố bồi thường thiệt hại và biện pháp khắc phục hậu quả;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành các biện pháp ngăn chặn, hạn chế lan rộng vùng ô nhiễm, xử lý, giảm thiểu ô nhiễm thuộc phạm vi quản lý, phối hợp với các tỉnh có liên quan trong quá trình ngăn chặn, xử lý sự cố và báo cáo kịp thời với Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch phục hồi nguồn nước nội tỉnh bị ô nhiễm, cạn kiệt

và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xây dựng, quản lý và thực hiện quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nguồn nước, hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các nguồn nước nội tỉnh.

4. Việc quan trắc, giám sát tài nguyên nước được thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Trách nhiệm lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước

1. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở: Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh và tổ chức công bố, thực hiện, gồm:

a) Hồ tự nhiên, nhân tạo ở các đô thị, khu dân cư tập trung; hồ, ao lớn có chức năng điều hòa ở các khu vực khác; đầm, phá tự nhiên;

b) Sông, suối, kênh, mương là nguồn cấp nước, trực tiêu nước hoặc có tầm quan trọng đối với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường;

c) Các nguồn nước liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa và bảo vệ, phát triển hệ sinh thái tự nhiên.

Việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Lập, quản lý hành lang vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và tổ chức công bố, thực hiện.

3. Tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước.

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ kiểm tra, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, đặc biệt đối với các vùng có nguy cơ bị ô nhiễm nguồn nước, các đơn vị kinh doanh nước sạch.

4. Bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Hà Nam thường xuyên cập nhật số liệu về khí tượng, thủy văn các vùng trên địa bàn tỉnh; tình hình khai thác, sử dụng nguồn nước và xả nước thải vào nguồn nước. Cung cấp kịp thời số liệu về tài nguyên nước cho các ngành, các cấp

thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước.

b) Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

c) Sở xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Điều phối, giám sát trên lưu vực các sông chảy qua địa bàn tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều phối, giám sát trên lưu vực sông, suối lớn nội tỉnh theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

2. Yêu cầu của hoạt động điều phối, giám sát được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 43 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

Điều 10. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Thăm dò, khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô từ trên $10\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đến dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm.

2. Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ trên $0,1\text{m}^3/\text{giây}$ đến dưới $2\text{m}^3/\text{giây}$.

3. Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ trên 50kw đến dưới 2.000kw.

4. Khai thác nước mặt cho các mục đích kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp từ trên $100\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đến dưới $50.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm.

5. Xả nước thải với lưu lượng từ trên $10.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đến dưới $30.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản.

6. Xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô từ trên $5\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đến dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm.

7. Xả nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô từ $5\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm trở xuống, hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:

a) Dệt nhuộm; may mặc có công đoạn nhuộm, in hoa; giặt là có công đoạn giặt tẩy;

b) Luyện kim, tái chế kim loại, mạ kim loại; sản xuất linh kiện điện tử;

c) Xử lý, tái chế chất thải công nghiệp; thuộc da, tái chế da;

d) Chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất; lọc hóa dầu, chế biến sản phẩm dầu mỏ;

đ) Sản xuất giấy và bột giấy; nhựa, cao su, chất tẩy rửa, phụ gia, phân bón, hóa chất, dược phẩm, đông dược, hóa mỹ phẩm, thuốc bảo vệ thực vật; pin, ắc

quy; mây tre đan, chế biến gỗ có ngâm tẩm hóa chất; chế biến tinh bột sắn, bột ngọt;

e) Khám chữa bệnh có phát sinh nước thải y tế;

f) Thực hiện thí nghiệm có sử dụng hóa chất, chất phóng xạ.

8. Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

a) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 250 milimét và thuộc công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm.

b) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 110 milimét và thuộc công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm;

Điều 11. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải đăng ký, không phải xin phép.

1. Khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt của hộ gia đình.

2. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước với quy mô nhỏ cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bao gồm:

a) Khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 10 m³/ngày đêm không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Quy định này.

b) Khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá 0,1 m³/giờ.

c) Khai thác nước mặt cho các mục đích kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp không vượt quá 100 m³/ngày đêm.

d) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy không vượt quá 50 kW.

3. Khai thác, sử dụng nước phục vụ các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học.

4. Khai thác, sử dụng nước cho phòng cháy, chữa cháy, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm, dịch bệnh và các trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật về trường hợp khẩn cấp.

Điều 12. Các trường hợp xả nước thải vào nguồn nước không phải đăng ký, không phải xin phép

1. Xả nước thải sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình;

2. Xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 5 m³/ngày đêm và không chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

3. Xả nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2, điều này vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung mà hệ thống đó đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và có thỏa thuận hoặc hợp đồng xử lý, tiêu thoát nước thải với tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước

thải tập trung đó;

4. Xả nước thải nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá 10.000 m³/ngày đêm hoặc nuôi trồng thủy sản trên sông, suối, hồ chứa.

Điều 13. Đăng ký khai thác nước dưới đất

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với cơ quan nhà nước liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm điều tra, đánh giá xác định, rà soát và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, điều chỉnh danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh; công bố khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan đăng ký khai thác nước dưới đất. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm lập sổ theo dõi, cập nhật số liệu đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn; hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả đăng ký tới Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Trình tự, thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã đăng ký khai thác nước dưới đất, nếu không tiếp tục khai thác, sử dụng thì phải thông báo và trả tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thông báo và trả tờ khai tổ trưởng dân phố. Tổ trưởng dân phố có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân xã để tổng hợp báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tổ chức, cá nhân nếu không tiếp tục khai thác, sử dụng nước dưới đất thì phải thực hiện việc trám, lấp giếng không sử dụng theo quy định.

Điều 14. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động tài nguyên nước

1. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép tài nguyên nước và chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước được quy định từ Điều 30 đến Điều 34 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013.

2. Trình tự, thủ tục đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép tài nguyên nước và chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện theo bộ thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Mẫu đơn, nội dung đề án, nội dung báo cáo đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép tài nguyên nước và chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện theo Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước và hành nghề khai thác nước dưới đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Thực hiện việc thu phí thẩm định hồ sơ, lệ phí cấp phép về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; quản lý hồ sơ cấp phép tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Điều 15. Tài chính về tài nguyên nước

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh mức thu, phí, lệ phí quản lý tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, phương pháp tính, phương pháp thu, chế độ quản lý, sử dụng tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

2. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm: Tổ chức thực hiện thu các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật về thuế, phí, Luật Quản lý thuế và các chính sách thu hiện hành trong lĩnh vực khai thác tài nguyên nước.

3. Quy định mức thu, phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý, sử dụng tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện theo quy định do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính.

4. Mức thu phí, lệ phí được áp dụng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 16. Kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định ghi trong giấy phép

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra định kỳ hàng năm về việc thực hiện các quy định ghi trong giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đối với các tổ chức và cá nhân có hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất. Về trình tự, thủ tục và nội dung kiểm tra sau cấp giấy phép, bao gồm:

1. Về trình tự, thủ tục kiểm tra.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan thống nhất kế hoạch kiểm tra.

b) Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra.

c) Thông báo cho tổ chức, cá nhân được kiểm tra biết trước 03 (ba) ngày về kế hoạch làm việc của Đoàn kiểm tra.

d) Tiến hành kiểm tra.

2. Nội dung kiểm tra.

a) Đối với giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước:

- Địa điểm thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

- Kiểm tra thực tế về số lượng, chất lượng nước, quy mô thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

- Thiết bị đo mực nước, lưu lượng khai thác, xả thải; sổ sách ghi chép tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

- Các nội dung khác ghi trong giấy phép.

- Nghĩa vụ thuế tài nguyên nước đối với Nhà nước.

b) Đối với giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất:

- Trang thiết bị sử dụng trong hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất.

- Năng lực chuyên môn kỹ thuật của cán bộ, công nhân viên của tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất phù hợp với quy mô hành nghề.

- Việc thực hiện các nội dung ghi trong giấy phép.

- Nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

3. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản và phải được người đại diện của cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, tổ chức hoặc cá nhân được kiểm tra và đại diện cơ quan quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường cùng ký. Nếu không ký thì ghi rõ lý do vào biên bản.

4. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm Sở Tài nguyên và Môi trường thông nhất với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan để xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý.

Điều 17. Công tác thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

1. Công tác thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước được thực hiện theo các quy định Nghị định 142/2013/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 24 tháng 10 năm 2013.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định của nhà nước về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và quản lý hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước.

3. Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan, lập quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh đã được phê duyệt.

4. Tổ chức thực hiện khoanh định, công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

5. Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm quyền; vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

6. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước;

7. Tổ chức thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép: Thẩm dò, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi các giấy phép theo thẩm quyền; thu phí, lệ phí về tài nguyên nước theo quy định pháp luật;

8. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã việc đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước; tổ chức điều tra, thống kê, phân loại, lập danh mục các giếng không sử dụng trên địa bàn tỉnh để tổ chức trám lấp giếng theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước theo phân cấp; tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, các nguồn thải vào nguồn nước trên địa bàn; tổng hợp kết quả trình UBND Tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường; lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, đề xuất các biện pháp xử lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thực hiện.

10. Xây dựng cơ sở dữ liệu; quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước;

11. Hướng dẫn và thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

12. Phối hợp cung cấp cho Cục thuế thông tin về các đơn vị được cấp giấy phép tài nguyên nước; định kỳ vào ngày 10/1 hàng năm gửi thông tin về số giấy phép còn hoạt động hoặc thông tin khác liên quan tới công tác quản lý tài nguyên nước, để cơ quan thuế quản lý thu thuế theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của các sở, ngành liên quan

1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp cùng các cấp, các ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Xây dựng kế hoạch khai thác sử dụng hợp lý nguồn nước để phục vụ một cách hiệu quả, có kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn và các loại rừng khác, xây dựng các công trình thủy lợi, khôi phục nguồn nước bị suy thoái cạn kiệt để bảo vệ nguồn tài nguyên nước;

c) Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch điều tiết nước hồ chứa, kế hoạch khai thác, sử dụng nước của các công trình khai thác nước trên sông theo quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền ban hành và theo kế hoạch điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông.

d) Tổng hợp tình hình khai thác tài nguyên nước phục vụ cho ngành nông nghiệp, cuối năm báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi tổng hợp tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước toàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch cấp, thoát nước khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung.

b) Tổ chức thực hiện việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

3. Sở Giao thông Vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch mạng lưới giao thông thủy, các công trình giao thông theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải.

b) Tổng hợp tình hình khai thác tài nguyên nước phục vụ cho ngành giao thông vận tải, cuối năm báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi tổng hợp tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước toàn tỉnh.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài nguyên và Môi trường đưa chương trình giáo dục, đào tạo học sinh, sinh viên có nội dung liên quan đến bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ tài nguyên nước đến các đối tượng học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch hàng năm và dài hạn cho các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước.

6. Sở Tài chính: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí hàng năm và dài hạn cho các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước; xây dựng các chính sách về thuế tài nguyên nước áp dụng trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo triển khai chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động tài nguyên nước, thuế tài nguyên nước, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

7. Sở Khoa học và Công nghệ: chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ban, ngành, thẩm định các đề tài nghiên cứu, các ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực hoạt động về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai, chuyển giao ứng dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và đời sống.

8. Sở Công thương và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng quy hoạch, kế hoạch cấp, thoát nước cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp vi phạm các quy định về quản lý tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

9. Sở Y tế: chủ trì, phối hợp các ngành liên quan giám sát chất lượng nguồn nước dùng cho sinh hoạt và công bố những khu vực có chất lượng nguồn nước đảm bảo và không đảm bảo tiêu chuẩn dùng cho mục đích sinh hoạt.

10. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện thu các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật về thuế, phí và các chính sách thu hiện hành trong lĩnh vực khai thác tài nguyên nước.

10. Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước phục vụ cho an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

11. Công ty cổ phần Nước sạch Hà Nam: có trách nhiệm cung cấp sơ đồ, bản đồ khoanh vùng và công bố công khai những khu vực đã có mạng lưới cấp nước tập trung cho Sở Tài nguyên và Môi trường; chịu trách nhiệm đảm bảo việc cung cấp đủ lưu lượng và chất lượng nước cho các tổ chức, cá nhân tại những khu vực đã có mạng lưới cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh.

12. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Hà Nam: cung cấp cho Sở Tài Nguyên và Môi trường danh mục và vị trí các trạm thủy văn trong tỉnh thuộc mạng lưới các trạm khí tượng thủy văn quốc gia, tài liệu khí tượng thủy văn, các yếu tố khí tượng thủy văn được quan trắc, những điều kiện khí tượng thủy văn chủ yếu trong tỉnh theo quy định của Luật phòng chống thiên tai, Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình Khí tượng Thủy văn .

13. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh: trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các thành viên của tổ chức và nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước; giám sát việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

14. Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh Hà Nam: chịu trách nhiệm trong việc tổ chức tuyên truyền các văn bản, quy định của trung ương và của tỉnh có liên quan đến hoạt động về tài nguyên nước để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện đúng theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý nhà nước về tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo, điều hành các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý tài nguyên nước. Đề xuất chính sách quản lý cho từng thời kỳ đảm bảo phát triển bền vững nguồn tài nguyên nước.

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra.

a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn quản lý bao gồm: nước dưới đất, nước trong sông, suối, ao, hồ, đầm theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan quản lý, bảo vệ trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn;

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt, địa điểm khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn.

c) Kiểm soát, giám sát chặt chẽ ao, hồ chứa nước thải, khu chứa nước thải trên địa bàn; trong thực hiện việc đào, xây dựng các hố chôn xác động vật chết khi có dịch, đày và thành bên các hồ phải được chống thấm, chống tràn bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước.

d) Đối với nơi có nguồn nước liên tỉnh có trách nhiệm theo dõi, phát hiện sự

cô ô nhiễm; trường hợp xảy ra sự cố thì phải chủ động tiến hành ngay các biện pháp ngăn chặn, hạn chế lan rộng vùng ô nhiễm; xử lý, giảm thiểu ô nhiễm thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức chỉ đạo xử lý.

đ) Đối với những đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông chủ động phối hợp với các ngành chức năng xác định nguyên nhân gây sạt, lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; phòng chống khắc phục hậu quả, tác hại do khai thác nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tổ chức hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn theo thẩm quyền; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường cấp xã.

4. Tổ chức và phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân đang hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và đề xuất biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên nước.

5. Tổ chức điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp; kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký về khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất tại địa phương.

7. Thu thập, lưu trữ, quản lý dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định, cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

8. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra; thống kê, theo dõi, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước tại địa phương.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tổ chức hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

4. Thường xuyên kiểm tra các công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn, xử lý vi phạm hoặc kiến nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước theo thẩm quyền. Nếu xảy ra tình huống bất khả kháng, kịp thời có biện pháp khắc phục trong khả năng đồng thời báo cáo ngay

tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp khắc phục.

5. Quản lý việc khai thác, sử dụng nước dưới đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; yêu cầu các hộ gia đình, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất ở các khu vực phải đăng ký đã được phê duyệt đăng ký khai thác nước dưới đất theo quy định.

6. Tiếp nhận, kiểm tra, thực hiện các trình tự đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước cho hộ gia đình, cá nhân theo Quy định này; quản lý, lưu trữ hồ sơ, lập sổ theo dõi, ghi chép, thống kê, tổng hợp kết quả đăng ký và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý, bảo vệ trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước trên địa bàn.

8. Thực hiện điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp; kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng.

9. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động tài nguyên nước

1. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước thực hiện theo quy định tại Điều 38, Điều 43, Luật Tài nguyên nước.

2. Quyền và nghĩa vụ của chủ giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước khi gặp sự cố gây ảnh hưởng xấu đến số lượng, chất lượng nguồn nước hoặc phát hiện các trường hợp bất thường về số lượng, chất lượng nguồn nước; sụt lún đất, nghiêng lệch, rạn nứt nhà cửa và các hiện tượng bất thường khác phải báo cáo ngay cho UBND cấp xã, UBND huyện, thành phố; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh để chủ động xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền chỉ đạo, xử lý.

Điều 23. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo định kỳ:

a) Định kỳ vào ngày 30 tháng 11 hàng năm; các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động tài nguyên nước tổng hợp số liệu; các vướng mắc, kiến nghị báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

b) UBND các xã, phường tổng hợp tình hình hoạt động về tài nguyên nước trên địa bàn, định kỳ báo cáo UBND các huyện, thành phố trước ngày 05 tháng 12 hàng năm (nội dung báo cáo theo quy định tại khoản 2, Điều 71 Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13).

c) UBND huyện, thành phố tổng hợp tình hình hoạt động về tài nguyên nước, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp tình hình hoạt động về tài nguyên nước, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

2. Báo cáo đột xuất:

Tùy tình hình thực tế, UBND các xã, phường, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo lên cơ quan cấp trên về:

a) Vụ việc, vướng mắc, phát sinh cần ý kiến chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

b) Theo yêu cầu của cơ quan chỉ đạo, của đoàn thanh tra, kiểm tra.

Điều 24. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước

1. Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; vi phạm các quy định về bảo vệ tài nguyên nước; vi phạm các quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra và các vi phạm khác trong quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh sẽ bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Chương II Nghị định 142/2013/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền lập biên bản và quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định 142/2013/NĐ-CP.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình thực hiện, tùy theo điều kiện thực tiễn hoặc có sự điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi các nội dung liên quan đến hoạt động tài nguyên nước của Luật Tài nguyên nước do cấp trên ban hành, Quy định này sẽ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Đông